CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: .../2022/NQ-ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2022*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019;

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020;

- Biên bản và kết quả cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 26/04/2022 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, phương hướng và giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Ban Tổng Giám đốc *(Tài liệu đính kèm)*.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 *(Tài liệu đính kèm)* với các chỉ tiêu tài chính như sau:

- **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:**

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành (%)
		(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Doanh thu	928.000	1.246.897	134,36%
2	Chi phí	892.685	1.213.207	135,91%
3	LN (trước thuế) chưa trích quỹ KHCN	35.315	33.690	95,40%
4	Trích quỹ KHCN	1.871	0	-
5	LN (trước thuế) đã trích quỹ KHCN	33.444	33.690	100,74%
6	Lợi nhuận (sau thuế)	26.334	26.702	101,40%
7	Tổng tài sản	953.906	909.835	95,38%
8	Vốn chủ sở hữu	284.998	284.998	100,00%
9	Cổ tức (%)	7,8%	7,9%	101,28%

Ghi chú: Số liệu được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AASCs.

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN
Ký ngày: 1/4/2022 18:09:49

- **Kế hoạch kinh doanh năm 2022:**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ Kế hoạch 2022/ Kế hoạch 2021 (%)
	(1)	*(2)*	*(4)*	*(5)=(4)/(2)*
1	**Doanh thu**	**928.000**	**952.000**	102,59%
2	**Lợi nhuận trước thuế**	33.444	32.691	97,75%
3	**Lợi nhuận sau thuế**	26.334	26.153	99,31%
4	**Cổ tức (% x VĐL)**	7,80%	7,8%	100,00%
5	**Vốn góp của chủ sở hữu**	284.998	284.998	100,00%

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 *(Tài liệu đính kèm).*

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán *(Tài liệu đính kèm).*

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2021 *(Tài liệu đính kèm)* với nội dung như sau:

1-Phân phối lợi nhuận năm 2021

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
	Lợi nhuận sau thuế theo KTĐL (được phân phối)	26.702.108.629
1	Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của HĐ kinh tế đã ký kết (nếu có)	
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định	
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.187.295.069
4a	*Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLĐ (75% quỹ KTPL)*	*3.140.471.302*
4b	*Quỹ thưởng người quản lý (25% quỹ KTPL) (*)* *Trong đó Quỹ Thưởng BKS là 294.222.624*	*1.046.823.767*
5	Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt 7,9% VĐL	22.514.813.560

(*) Quỹ thưởng người quản lý được phân phối cho Người quản lý Công ty, Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát.

Tổng Giám đốc được chủ động cân đối, điều tiết giữa hai Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số dư Quỹ phúc lợi Tổng Giám đốc được sử dụng cho các năm tiếp theo và đảm bảo đúng quy định.

Thời gian thanh toán:

- Thanh toán cổ tức của năm 2021: Trong vòng 6 tháng kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc chi trả có thể thực hiện thành một hoặc nhiều đợt. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan đến chi trả cổ tức của năm 2021.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 *(Tài liệu đính kèm)* với nội dung như sau:

1- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Lợi nhuận trước thuế	33.926.189.653
II	Trích quỹ khoa học và công nghệ (3,64% x TN tính thuế)	1.235.283.888
III	Lợi nhuận sau thuế phân phối như sau (*):	26.152.724.612
1	Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của HĐ kinh tế đã ký kết (nếu có)	0
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định	0
3	Trích quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp	0
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15 % LNST PP)	3.922.908.692
a	*Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho NLĐ (75% quỹ KTPL)*	
b	*Quỹ thưởng người quản lý (25% quỹ KTPL)*	
5	Lợi nhuận còn lại chia hết cổ tức (7,8% VĐL)	22.229.815.920

(*) Lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích Quỹ khoa học và công nghệ

Công ty được trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 là 15% trên lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2022; trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho NLĐ chiếm 75%, Quỹ thưởng người quản lý là 25%. Quỹ thưởng người quản lý được phân phối cho: Người quản lý Công ty, Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát.

Nếu diễn biến dịch bệnh phức tạp, kéo dài, Ban điều hành có thể sẽ kiến nghị xin điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính cho phù hợp.

2- Trường hợp lợi nhuận sau thuế năm 2022 vượt kế hoạch (sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 15% trên lợi nhuận sau thuế), Công ty được đề xuất trích quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ trích quỹ tối đa 30% lợi nhuận sau thuế năm 2022) nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2022 không thấp hơn 7,8% vốn điều lệ.

Đối với số dư Quỹ phúc lợi được sử dụng cho các năm sau: Giao Tổng Giám đốc sử dụng đúng mục đích. Tổng Giám đốc chủ động cân đối/ điều tiết giữa hai Quỹ khen thưởng phúc lợi NLĐ cho phù hợp.

Nhằm chăm lo kịp thời đời sống cho NLĐ mỗi dịp xuân về Tết đến, tùy tình hình thực tế sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty được tạm trích chi khen thưởng nhưng phải đảm bảo chỉ tiêu chi cổ tức mà Đại hội cổ đông đã giao hàng năm.

3- Dự kiến hoàn nhập Quỹ khoa học và công nghệ: Tùy vào tình hình tài chính của Công ty, giao Tổng Giám đốc được chủ động cân đối để hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ của các năm trước đúng quy định.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về chế độ thù lao của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022 như sau *(Tài liệu đính kèm):*

Đơn vị: Đồng/năm

STT	Nội dung	Số lượng	Mức thù lao
1.	Hội đồng quản trị	05	392.400.000
2.	Ban kiểm soát	03	460.800.000
3.	Thư ký HĐQT	01	40.800.000
Tổng cộng		09	**894.000.000 (*)**

Trong đó, dự kiến số nhân sự và mức thù lao chi trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký HĐQT như sau:

- Chủ tịch HĐQT không chuyên trách (01 người): 11.500.000 đồng/ tháng.
- Thành viên HĐQT không chuyên trách (04 người): 5.300.000 đồng/ tháng.
- Trưởng BKS chuyên trách (01 người): 31.000.000 đồng/ tháng.
- Thành viên BKS không chuyên trách (02 người): 3.700.000 đồng/ tháng.
- Người phụ trách QT kiêm thư ký HĐQT (01 người): 3.400.000 đồng/ tháng.

(*) Khoản chi phí thù lao này sẽ thay đổi tùy theo số lượng nhân sự và số tháng công tác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 8. Thông qua lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính trong năm tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn. Giao cho Tổng Giám đốc ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2022 của Công ty *(Tài liệu đính kèm).*

Điều 9. Giao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn tổ chức triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông

qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn có trách nhiệm giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS, Ban TGĐ;
- Lưu: hồ sơ Đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

HUỲNH MINH ANH